



Hướng dẫn sử dụng thuốc cho người bệnh



Double Action

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Để xa tầm tay trẻ em

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Thành phần, hàm lượng

Mỗi viên nén sủi bọt Redoxon Double Action có chứa: 1000 mg Vitamin C (acid ascorbic) và 10 mg kẽm (dưới dạng kẽm citrat • 3H₂O 32 mg). Thuốc cũng có chứa các thành phần khác là: Natri hydrogen carbonat, acid citric khan, natri carbonat khan, acid malic, isomalt, macrogol 6000, natri clorid, acesulfame kali, aspartame, hương vị cam, hương vị quýt, beta carotene 1% CWS/M.

Mô tả sản phẩm

Viên nén sủi bọt vị cam

Quy cách đóng gói

Hộp 1 tuýp chứa 10 viên nén sủi bọt

Thuốc dùng cho bệnh gì?

Redoxon Double Action có chứa thành phần được chất vitamin C và nguyên tố vi lượng kẽm. Vitamin C và kẽm tham gia vào nhiều quá trình chuyển hóa thiết yếu qua nhiều cơ chế khác nhau.

Sự thiếu hụt vitamin C và kẽm có thể làm suy yếu khả năng của cơ thể chống lại nhiễm khuẩn. Vitamin C và kẽm tác dụng theo các phương thức khác nhau nhưng bổ sung cho nhau và hỗ trợ hệ thống bảo vệ tự nhiên của cơ thể chống lại bệnh tật.

Thuốc được dùng cho các trường hợp sau: Điều trị thiếu hụt vitamin C và kẽm. Phòng ngừa và điều trị thiếu hụt vitamin C và kẽm trong các tình trạng và điều kiện tăng nhu cầu hoặc tăng nguy cơ thiếu hụt vì dụ như trong hợp đạng mắc bệnh nhiễm khuẩn hoặc tăng nguy cơ mắc các bệnh nhiễm khuẩn, bị cảm lạnh, hút thuốc, hoặc sau phẫu thuật cũng như làm lạnh các vết thương.

Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng

Thuốc được sử dụng với liều lượng như sau: (trừ trường hợp có sự kê đơn khác của bác sĩ)

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 1 viên nén sủi bọt/ngày.

Hòa tan viên sủi bọt trong cốc thủy tinh chứa 200 ml nước để có một loại nước uống có hương vị cam.

Thuốc không thích hợp để sử dụng cho trẻ em dưới 12 tuổi.

Dùng thuốc theo liều lượng trong tờ hướng dẫn sử dụng hoặc theo đơn của bác sĩ. Nếu bạn thấy tác dụng của thuốc là chưa đủ hoặc quá mạnh, hãy tham vấn ý kiến của bác sĩ hoặc dược sĩ.

Khi nào không nên dùng thuốc này

Bạn không nên dùng thuốc này nếu bạn bị sỏi thận hoặc có tiền sử bệnh sỏi thận, tăng oxalate niệu hoặc suy giảm chức năng thận nặng hay suy thận nặng (GFR <30ml/phút) bao gồm cả đang thăm tách máu. Bạn cũng không nên dùng thuốc nếu bạn mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc đã được liệt kê trong mục Thành phần và hàm lượng ở trên hoặc bạn mắc bệnh nhiễm sắc tố sắt mô. Nếu bạn gặp bất kỳ phản ứng dị ứng nào khi điều trị, hãy ngừng sử dụng thuốc.

Các tác dụng phụ có thể có

Các phản ứng phụ sau đây có thể xuất hiện khi bạn dùng thuốc

Rối loạn tiêu hóa: Tiêu chảy, buồn nôn, nôn, đau dạ dày-ruột và đau bụng

Rối loạn hệ miễn dịch: Phản ứng dị ứng, phản ứng phản vệ, sốc phản vệ

Phản ứng quá mẫn với các biểu hiện lâm sàng và xét nghiệm tương ứng bao gồm hội chứng hen dị ứng, các phản ứng từ nhẹ đến trung bình có thể ảnh hưởng đến da, đường hô hấp, đường tiêu hóa và hệ tim mạch, bao gồm các triệu chứng như phát ban, mề đay, phù do dị ứng, phù mạch, ngứa, suy tim-hô hấp và các phản ứng nặng bao gồm cả sốc phản vệ đã được báo cáo.

Các tác dụng không mong muốn khác của vitamin C: Ở nồng độ, có triệu chứng. Các tác dụng không mong muốn thường thấy khi dùng liều cao: Tăng oxalate niệu, thiếu máu tan máu (tán huyết), mất ngủ, đau cạnh sườn.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì; các lưu ý về xét nghiệm khi đang sử dụng thuốc này:

Vitamin C

- Desferrioxamine: Vitamin C có thể làm tăng độc tính của sắt ở mô, đặc biệt ở tim, gây tình trạng mất bù ở tim.
- Cyclosporine: Bổ sung chất chống oxy hóa gồm vitamin C có thể làm giảm nồng độ cyclosporine trong máu.
- Disulfiram: Dùng liều cao hoặc kéo dài Vitamin C có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của disulfiram.
- Indinavir (thuốc ức chế protease): Dùng liều cao vitamin C làm giảm đáng kể nồng độ indinavir trong huyết thanh, có thể ảnh hưởng tới hiệu quả của indinavir.
- Warfarin: Dùng liều cao Vitamin C có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của warfarin
- Aspirin: Dùng đồng thời vitamin C với aspirin làm tăng bài tiết aspirin trong nước tiểu. Salicylat ức chế bạch cầu và tiêu cầu hấp thu acid ascorbic. Do đó, nồng độ acid ascorbic ở bạch cầu và ở huyết tương bị giảm, chỉ cao hơn chút ít so với nồng độ của người bị thiếu hụt acid ascorbic ở mô. Tuy vậy, nồng độ này chưa có chứng cứ nào cho thấy liệu pháp salicylat thúc đẩy tình trạng thiếu acid ascorbic. Tuy bổ sung vitamin C cho người đang dùng salicylat, nồng độ acid ascorbic trong bạch cầu không tăng và dự trữ vitamin C ở các mô cơ thể không tăng. Do đó, bổ sung vitamin C cho người đang dùng salicylat là không bảo đảm. Tuy vậy người bệnh dùng liều cao salicylat mà không có bất cứ triệu chứng nào của thiếu vitamin C thì cũng cần phải đánh giá tình trạng thiếu hụt.
- Vitamin B12: vitamin C liều cao có thể phá hủy vitamin B12; cần khuyến người bệnh tránh uống vitamin C liều cao trong vòng một giờ sau khi uống vitamin B12.

Kẽm

Cation da hóa trị, như kẽm, hình thành phức hợp với một số chất dẫn đến giảm hấp thu của cả hai chất. Do những tương tác này xảy ra ở đường dạ dày-ruột nên dùng thuốc này cách xa các thuốc khác sẽ làm giảm khả năng tương tác. Thông thường là đủ khi dùng thuốc này ít nhất 2 giờ trước hoặc 4-6 giờ sau khi uống các thuốc khác, trừ khi được quy định khác. Những chất tạo thành phức hợp bao gồm:

- Kháng sinh nhóm tetracyclin
- Kháng sinh nhóm quinolon
- Penicillamin

Thực ăn / chất bổ sung nên tránh

Vitamin C

Thực ăn/chất bổ sung sắt: Vitamin C có thể tăng hấp thu sắt. Tăng tích lũy sắt ở mức độ nhỏ có thể là quan trọng với các bệnh nhân có bệnh lý ở sắt di truyền (hemochromatosis) hoặc các bệnh nhân dị hợp tử với bệnh lý này, do có thể làm trầm trọng hơn tình trạng ở sắt.

Kẽm

Đồng: Kẽm có thể làm giảm hấp thu đồng.

Sắt: Sinh khả dụng của kẽm có thể bị giảm do nồng độ cao của ion sắt có trong chất bổ sung sắt. Tương tác này là không đáng kể khi các chất bổ sung được dùng cùng với thực ăn.

Các lưu ý về xét nghiệm có thể bị ảnh hưởng khi sử dụng thuốc

Vitamin C là một chất khử mạnh (chất cho electron), nó có thể gây ra các ảnh hưởng hóa học trong các xét nghiệm mà có sự tham gia của các phản ứng oxy hóa khử, như xét nghiệm đường, creatinin, carbamazepin, acid uric, phosphat vô cơ trong nước tiểu, trong huyết thanh và tìm máu ẩn trong phân. Sử dụng các xét nghiệm chuyên biệt có đặc điểm không phụ thuộc vào việc giảm hoặc ngừng chế độ ăn nhiều vitamin C sẽ tránh các ảnh hưởng không mong muốn. Tham khảo thông tin của nhà sản xuất để xác định liệu vitamin C có ảnh hưởng tới kết quả xét nghiệm hay không.



Tuy không ảnh hưởng đến chỉ số đường huyết, vitamin C có thể ảnh hưởng đến các xét nghiệm đo đường huyết và đường niệu dẫn đến sai lệch kết quả. Tham khảo thông tin bên trong vỏ hộp về dụng cụ và bộ xét nghiệm nhằm xác định ảnh hưởng của vitamin C và hướng dẫn để có các kết quả xét nghiệm chính xác.

Cần bảo quản thuốc này như thế nào

Bảo quản thuốc ở nhiệt độ dưới 30°C, đóng chặt nắp hộp

Những dấu hiệu, triệu chứng và cách xử trí khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo

Khi sử dụng theo liều khuyến cáo, không có bằng chứng cho thấy thuốc gây quá liều.

Lượng vitamin C và/hoặc kẽm sử dụng được tính từ tất cả các nguồn khác.

Các triệu chứng và dấu hiệu lâm sàng, các phát hiện trên xét nghiệm, và các hậu quả do quá liều rất đa dạng, phụ thuộc vào mức độ nhạy cảm của từng người và tình trạng xung quanh.

Biểu hiện chung của quá liều vitamin C và/hoặc kẽm có thể bao gồm tăng rối loạn đường tiêu hóa gồm tiêu chảy, buồn nôn và nôn.

Nếu các triệu chứng này xảy ra, nên ngưng dùng thuốc và hỏi ý kiến chuyên gia y tế.

Các biểu hiện lâm sàng đặc hiệu có thể bao gồm:

Vitamin C

Quá liều vitamin C cấp tính hoặc mạn tính (> 2 g/ngày) có thể làm tăng đáng kể nồng độ oxalat trong huyết thanh và trong nước tiểu. Trong một số trường hợp, điều này có thể dẫn đến tăng oxalat niệu, tinh thể canxi oxalat niệu, lắng đọng canxi oxalat, hình thành sỏi thận, bệnh về tiêu quản thận và các mô kẽ, suy thận cấp. Những bệnh nhân suy thận nhẹ đến trung bình có thể nhạy cảm với những độc tính này của vitamin C ở các liều thấp hơn và nên tham khảo ý kiến nhân viên y tế trước khi sử dụng thuốc.

Quá liều vitamin C (> 3 g/ngày ở trẻ em và > 15 g/ngày ở người lớn) có thể gây tan máu oxy hóa hoặc đông máu rải rác trong lòng mạch ở bệnh nhân bị thiếu hụt glucose-6-phosphate dehydrogenase.

Kẽm

Quá liều kẽm có thể gây kích ứng và ăn mòn đường tiêu hóa (GI), hoại tử ống thận cấp, viêm thận kẽ, thiếu hụt đồng, thiếu máu nguyên bào sắt và bệnh thần kinh tủy sống.

Nếu có nghi ngờ quá liều, nên ngưng thuốc và tư vấn chuyên gia y tế để điều trị các biểu hiện lâm sàng. Vitamin C được loại bỏ bằng thẩm phân máu.

Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này

Không vượt quá liều đã ghi trên nhãn. Quá liều vitamin C cấp tính và mạn tính (> 2 g/ngày) làm tăng nguy cơ các tác dụng bất lợi bao gồm hình thành chất lắng đọng canxi oxalat, hoại tử ống thận cấp và/hoặc suy thận.

Tham khảo ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi dùng thuốc nếu bạn đang dùng vitamin đơn chất hoặc các chế phẩm đa vitamin hay bất kỳ thuốc nào khác hoặc đang được chăm sóc y tế.

Nếu bạn bị suy thận nên tham khảo ý kiến nhân viên y tế trước khi uống liều cao vitamin C. Nếu bạn bị thiếu hụt glucose-6-phosphatase không nên dùng liều cao hơn so với liều đã ghi trên nhãn. Quá liều vitamin C ở nhóm bệnh nhân này có liên quan với thiếu máu tan huyết.

Uống thuốc cách thuốc khác 4 giờ, trừ khi được quy định khác.

Vitamin C có thể ảnh hưởng đến các xét nghiệm dẫn đến sai lệch kết quả. Thông báo cho bác sĩ hoặc nhân viên y tế khi đang dùng thuốc này và các xét nghiệm dự kiến thực hiện.

Vitamin C có thể ảnh hưởng đến các dụng cụ và bộ xét nghiệm đo đường huyết dẫn đến các kết quả sai lệch. Tham khảo thông tin trong tờ hướng dẫn sử dụng của dụng cụ hoặc bộ xét nghiệm đo đường huyết

Thận trọng liên quan đến tá dược:

Thuốc chứa phenylalanine (aspartame): Không khuyến cáo sử dụng nếu bạn bị bệnh phenylketon niệu.

Thuốc chứa natri: Tham vấn ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ nếu bạn có chế độ ăn hạn chế muối.

Những điều cần lưu ý khi bạn đang mang thai hoặc cho con bú

Nhìn chung thuốc an toàn trong thai kỳ hoặc cho con bú khi sử dụng theo hướng dẫn. Tuy nhiên, vì không có đầy đủ các nghiên cứu có kiểm soát trên người để đánh giá nguy cơ của thuốc trong thai kỳ hoặc cho con bú, bạn chỉ nên sử dụng thuốc khi được chỉ định bởi chuyên gia y tế.

Không nên vượt quá liều dùng khuyến cáo vì tình trạng quá liều mạn tính có thể ảnh hưởng đến thai nhi và trẻ sơ sinh.

Uống những lượng lớn vitamin C trong khi mang thai có thể làm tăng nhu cầu về vitamin C, dẫn đến bệnh scorbut ở trẻ sơ sinh.

Vitamin C và kẽm được bài tiết qua sữa mẹ. Nếu bạn đang cho con bú, nên cân nhắc điều này khi sử dụng thuốc và hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi dùng thuốc.

Khi lái xe và vận hành máy móc

Thuốc không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Khi nào cần tham vấn bác sĩ, dược sĩ:

Các trường hợp cần tham vấn ý kiến bác sĩ đã được trình bày ở trên. Nếu bạn cần thêm thông tin về thuốc ngoài các nội dung trong tờ hướng dẫn sử dụng này hoặc bạn có bất cứ câu hỏi nào về thuốc, hãy tham vấn ý kiến của bác sĩ và dược sĩ.

Hạn dùng của thuốc

Hạn dùng của thuốc là 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Không dùng thuốc quá hạn đã ghi rõ trên hộp thuốc

Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất: PT Bayer Indonesia

Jl. Raya Bogor Km 32, Depok 16416 – Indonesia

Ngày xem xét, sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc: 08/2013



Khả năng sinh sản, phụ nữ có thai và cho con bú

Khả năng sinh sản

Không có bằng chứng cho thấy nồng độ nội sinh thông thường của vitamin C và/hoặc kẽm gây ra bất kỳ các tác dụng bất lợi nào trên khả năng sinh sản ở người.

Phụ nữ có thai và cho con bú

Nhìn chung thuốc an toàn trong thai kỳ hoặc cho con bú khi sử dụng theo hướng dẫn. Tuy nhiên, vì không có đầy đủ các nghiên cứu có kiểm soát trên người để đánh giá nguy cơ của thuốc trong thai kỳ hoặc cho con bú, thuốc chỉ nên được sử dụng ở phụ nữ có thai hoặc cho con bú khi được chỉ định bởi chuyên gia y tế. Uống những lượng lớn vitamin C trong khi mang thai có thể làm tăng nhu cầu về vitamin C, dẫn đến bệnh scurvy ở trẻ sơ sinh.

Không nên vượt quá liều dùng khuyến cáo vì tình trạng quá liều mãn tính có thể ảnh hưởng đến thai nhi và trẻ sơ sinh.

Vitamin C và kẽm được bài tiết qua sữa mẹ. Nên cân nhắc điều này khi sử dụng thuốc.

Tác động trên khả năng lái xe và vận hành máy móc

Thuốc không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Tác dụng không mong muốn

Các phản ứng phụ sau đây được ghi nhận trong quá trình sử dụng thuốc hậu mãi. Các phản ứng này được báo cáo tự phát vì vậy không thể đánh giá được tần suất xuất hiện.

Rối loạn tiêu hóa

Tiêu chảy, buồn nôn, nôn, đau dạ dày-ruột và đau bụng

Rối loạn hệ miễn dịch

Phản ứng dị ứng, phản ứng phản vệ, sốc phản vệ

Phản ứng quá mẫn với các biểu hiện lâm sàng và xét nghiệm tương ứng bao gồm hội chứng hen dị ứng, các phản ứng từ nhẹ đến trung bình có thể ảnh hưởng đến da, đường hô hấp, đường tiêu hóa và hệ tim mạch, bao gồm các triệu chứng như phát ban, mề đay, phù do dị ứng, phù mạch, ngứa, suy tim-hô hấp và các phản ứng nặng bao gồm cả sốc phản vệ đã được báo cáo.

Các tác dụng không mong muốn khác của vitamin C: Ở nồng, có cứng cơ bụng. Các tác dụng không mong muốn thường thấy khi dùng liều cao: Tăng oxalat niệu, thiếu máu tan máu, mất ngủ, đau cạnh sườn.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Quá liều

Khi sử dụng theo liều khuyến cáo, không có bằng chứng cho thấy thuốc gây quá liều.

Lượng vitamin C và/hoặc kẽm sử dụng được tính từ tất cả các nguồn khác.

Các triệu chứng và dấu hiệu lâm sàng, các phát hiện trên xét nghiệm, và các hậu quả do quá liều rất đa dạng, phụ thuộc vào mức độ nhạy cảm của từng người và tình trạng xung quanh.

Biểu hiện chung của quá liều vitamin C và/hoặc kẽm có thể bao gồm tăng rối loạn đường tiêu hóa gồm tiêu chảy, buồn nôn và nôn.

Nếu các triệu chứng này xảy ra, nên ngưng dùng thuốc và hỏi ý kiến chuyên gia y tế.

Các biểu hiện lâm sàng đặc hiệu có thể bao gồm:

Vitamin C

Quá liều vitamin C cấp tính hoặc mạn tính (> 2 g/ngày) có thể làm tăng đáng kể nồng độ oxalat trong huyết thanh và trong nước tiểu. Trong một số trường hợp, điều này có thể dẫn đến tăng oxalat niệu, tinh thể canxi oxalat niệu, lắng đọng canxi oxalat, hình thành sỏi thận, bệnh về tiểu quản thận và các mô kế, suy thận cấp. Những bệnh nhân suy thận nhẹ đến trung bình có thể nhạy cảm với những độc tính này của vitamin C ở các liều thấp hơn và nên tham khảo ý kiến nhân viên y tế trước khi sử dụng thuốc.

Quá liều vitamin C (> 3 g/ngày ở trẻ em và > 15 g/ngày ở người lớn) có thể gây tan máu oxy hóa hoặc đông máu rải rác trong lòng mạch ở bệnh nhân bị thiếu hụt glucose-6-phosphate dehydrogenase.

Kẽm

Quá liều kẽm có thể gây kích ứng và ăn mòn đường tiêu hóa (GI), hoại tử ống thận cấp, viêm thận kẽ, thiếu hụt đồng, thiếu máu nguyên bào sắt và bệnh thần kinh tủy sống.

Nếu có nghi ngờ quá liều, nên ngưng thuốc và tư vấn chuyên gia y tế để điều trị các biểu hiện lâm sàng. Vitamin C được loại bỏ bằng thẩm phân máu.

Các đặc tính dược lực học

Mã ATC: A11GB

Vitamin C (ascorbic acid) là chất chống oxy hóa và là một loại vitamin tan trong nước quan trọng. Do khả năng dự trữ vitamin C của cơ thể thấp nên việc cung cấp một lượng đều đặn là rất cần thiết cho cơ thể người.

Vitamin C và chất chuyển hóa của nó acid dehydroascorbic tạo thành hệ thống hồi phục oxy hóa khử liên quan đến nhiều phản ứng enzyme và cấu trúc hình thái cơ sở cho quang phổ hoạt động của vitamin C. Vitamin C hoạt động chức năng như một đồng yếu tố (cofactor) trong một số phản ứng thủy phân và amide hóa bằng cách chuyển electron cho các enzymes để tạo chất khử tương đương.

Có bằng chứng lâm sàng rất rõ ràng và hiển nhiên về tầm quan trọng của Vitamin C với cơ thể con người, sự thiếu hụt vitamin C gây bệnh Scurvy. Vitamin C đóng vai trò chủ chốt trong quá trình sản xuất hydroxyproline từ proline, và sẽ trở thành chất thiết yếu cho việc sản xuất collagen. Triệu chứng của bệnh Scurvy như chậm lành vết thương, rối loạn phát triển xương, giảm độ bền mạch máu, khiếm khuyết cấu tạo răng là kết quả của sự suy giảm hình thành collagen.

Cũng như vitamin C, nồng độ kẽm thấp có thể làm chậm tốc độ chữa lành vết thương, vết loét và loét da do nấm lâu.

Hàm lượng kẽm có vai trò tối quan trọng trong việc duy trì các đáp ứng miễn dịch hiệu quả, đặc biệt là đáp ứng qua trung gian tế bào T.

Dược động học

Hấp thu

Vitamin C được hấp thu chủ yếu ở phần trên của ruột non thông qua kênh trao đổi phụ thuộc natri.

Kẽm được hấp thu toàn bộ qua ruột non

Phân bố

Lượng vitamin C sinh lý trong cơ thể khoảng 1500mg. Nồng độ huyết thanh bình thường 10 mg/l (60 mmol/l). Nồng độ dưới 4 mg/l (20 mmol/l) cho thấy thiếu sự không được cung cấp đủ Vitamin C.

Tổng hàm lượng kẽm trong cơ thể nằm trong khoảng từ 2,3 mmol (1,5g) ở phụ nữ đến 3,8 mmol (2,5g) ở đàn ông.

Chuyển hóa

Vitamin C được chuyển hóa một phần qua acid dehydroascorbic tạo thành acid oxalic và các sản phẩm khác.

Các nghiên cứu thực nghiệm trên người với chế độ bổ sung kẽm 2,6-3,6 mg/ngày (40-55 mmol/ngày) đã cho thấy nồng độ kẽm tuần hoàn và các hoạt tính của các enzym chứa kẽm có thể được duy trì trong phạm vi bình thường trong vài tháng đã làm nổi bật hiệu quả cân bằng nội môi của kẽm.

Thải trừ

Thời gian bán hủy vitamin C phụ thuộc vào đường dùng, liều lượng và tốc độ hấp thu. Sau khi uống liều 1g, thời gian bán hủy sẽ khoảng 13 giờ.

Con đường chính đào thải kẽm nội sinh là đường tiêu hóa, đào thải cuối cùng qua phân.

Tính tương kỵ: Không

Bảo quản và hạn dùng:

Hạn dùng của thuốc là 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Không dùng thuốc quá hạn đã ghi rõ trên hộp thuốc

Bảo quản thuốc ở nhiệt độ dưới 30°C, đóng chặt nắp hộp

Ngày xem xét tái sản phẩm: 08/2013

Sản xuất: PT Bayer Indonesia

Jl. Raya Bogor Km 32, Depok 16416 – Indonesia

Để thuốc xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ

